

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM MỸ
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/HNGĐ - ST
Ngày: 11/9/2018
V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Khuyên
- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Ngọc Thi
2. Bà Lại Thị Thúy Hằng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Thái Học – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ.

- *Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ tham gia phiên tòa:* Ông Đặng Tiến Mạnh – Kiểm sát viên.

Vào ngày 11/9/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 249/2018/LTST- HNGĐ ngày 24/7/2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXXST - HNGĐ ngày 22/8/2018 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị T – sinh năm: 1977

Địa chỉ: số nhà 229, tổ 13, ấp B, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: anh Huỳnh Bá T – sinh năm: 1972

Địa chỉ: số nhà 229, tổ 13, ấp B, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai.

(chị T có mặt, anh T vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 24/7/2018, các lời khai bổ sung và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: chị và anh Huỳnh Bá T trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu thương yêu nhau từ năm 1996 đến ngày 04/02/1997 chị và anh T tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng, có tổ chức đám cưới theo nghi thức truyền thống nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Lý do anh chị không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn là do đời sống vợ chồng lúc mới cưới khó khăn và không hiểu biết pháp luật nên không nghĩ phải đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân lần đầu

tiên của anh chị. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian dài đến năm 2012 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và không còn chung sống với nhau từ tháng 5/2018 đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T ghen tuông vô cớ; thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn về nhà đánh đập chị nhiều lần, hù dọa giết chị, có gây thương tích nhẹ. Anh T cũng thường nhậu xỉn rồi tìm cớ chửi bới gia đình chị, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng dành cho nhau không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Quá trình chung sống anh chị có 02 con chung: Huỳnh Thị Kim A, sinh ngày: 10/02/1998 và Huỳnh Bá N, sinh ngày: 27/10/2000. Hiện tại cháu Kim A đã trưởng thành và có khả năng lao động, còn cháu N đang sống cùng với chị. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung của vợ chồng: là quyền sử dụng đất diện tích 1.780 m² tại địa chỉ 229, tổ 13, ấp B, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai và ngôi nhà cấp 4 diện tích xây dựng 85m² ở trên đất, ngoài ra thì có 02 chiếc xe máy và một số vật dụng trong gia đình, khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung không có.

* Tại biên bản lấy lời khai, lời khai đôi chất ngày 24/7/2018 bị đơn anh Huỳnh Bá T thống nhất với lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, việc không đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng như chị T trình bày. Anh thừa nhận là anh đã sai xin chị T tha thứ để anh hàn gắn bù đắp những lỗi lầm của anh, nhưng chị T vẫn nộp đơn ly hôn. Nay chị T xin ly hôn với anh thì anh không đồng ý ly hôn với chị T vì vẫn còn thương yêu chị T, không muốn gia đình tan vỡ.

Nếu Tòa án chấp nhận cho chị T được ly hôn với anh thì đối với con chung anh cho rằng cháu Kim A và cháu N đã trưởng thành và có khả năng lao động; còn tài sản chung của vợ chồng thì không yêu cầu Tòa án giải quyết; nợ chung không có. Tại phiên tòa hôm nay anh T vắng mặt.

Ngày 24/7/2018 anh Huỳnh Bá T có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt.

* Các tài liệu, chứng cứ:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và bị đơn anh Huỳnh Bá T cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là: bản tự khai tường trình về nội dung tranh chấp; chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của anh chị (bản sao chứng thực); giấy khai sinh của cháu Kim A, cháu N (bản sao); 01 đơn xác nhận tình trạng hôn nhân (bản chính).

* Quan điểm của Viện kiểm sát huyện Cẩm Mỹ: trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký đều làm đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng cũng chấp hành và thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo tố tụng. Anh T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T

là phù hợp. Đại diện VKS huyện Cẩm Mỹ không có kiến nghị gì.

Về nội dung: về quan hệ hôn nhân không công nhận chị T và anh T là vợ chồng, về con chung do cháu Nhật chưa trưởng thành nên chấp nhận cho chị T được nuôi dưỡng cháu N, tạm miễn cấp dưỡng cho anh T, tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét và nợ chung không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và tư cách tham gia tố tụng: chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, nuôi con với anh Huỳnh Bá T nên đây là vụ kiện: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Chị T có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, nuôi con với anh T nên chị T là nguyên đơn, anh T là bị đơn trong vụ án.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: anh Huỳnh Bá T hiện cư trú tại số nhà 229, tổ 13, ấp B, xã X, huyện C, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Cẩm Mỹ theo quy định tại Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Ngày 24/7/2018 anh Huỳnh Bá T có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt tại Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật TTDS Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T là phù hợp.

[4] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị T và anh Huỳnh Bá T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997, chị và anh không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Huỳnh Bá T là vợ chồng.

[5] Về con chung:

Anh T cho rằng cháu N đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên đối chiếu với giấy khai sinh của cháu N thì hiện tại cháu N chưa đủ 18 tuổi. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xem xét, giải quyết về con chung. Chị T có yêu cầu được nuôi dưỡng cháu N, đồng thời cháu N có nguyện vọng được sống với chị T. Vì vậy, xem xét quyền lợi về mọi mặt của cháu N thì thấy nên giao cháu N cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 luật HNGĐ và nguyện vọng của cháu N nên chấp nhận cho chị T được nuôi dưỡng cháu N.

[6] Về cấp dưỡng: Do chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh T.

[7] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[8] Về nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

Đề nghị của đại diện VKS huyện Cẩm Mỹ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận xem xét.

Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí LHST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật TTDS.

Căn cứ Điều 9; khoản 1 Điều 14; Điều 15; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: không công nhận chị Nguyễn Thị T và anh Huỳnh Bá T là vợ chồng.

- Về con chung: giao cháu Huỳnh Bá N, sinh ngày: 27/10/2000 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng đến đủ 18 tuổi.

Tạm thời không buộc nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Huỳnh Bá T.

Khi cần thiết chị T và anh T được quyền yêu cầu xin thay đổi người nuôi dưỡng và việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung được pháp luật bảo vệ.

- Về tài sản chung: không xem xét giải quyết.

- Về nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí LHST. Chuyển 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp thành tiền án phí (biên lai số 004381 ngày 24/7/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ). Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung

năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã X.

Nơi nhận :

- TAND. tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Thị hành án dân sự H. Cẩm Mỹ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn .
- Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Khuyên